

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị N T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Trịnh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Sơn Thị N T trình bày:

Bà Sơn Thị N T và ông Trịnh H có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Xuyên vào ngày 01/8/2008. Sau khi kết hôn, bà T và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống

chung không thể hòa hợp, hôn nhân không có tiếng nói chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông H có 04 con chung tên Trịnh Nguyễn M K, sinh ngày 21/7/2019, Trịnh Thị N Y, sinh ngày 25/5/2009, Trịnh Thị N H, sinh ngày 20/10/2007 và Trịnh M H sinh ngày 28/9/2006. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trịnh H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại tờ tường trình ngày 12/4/2022, con chung Trịnh M H, Trịnh Thị N H, Trịnh Thị N Y trình bày ý kiến:*

Khi cha mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Sơn Thị N T.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh H.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Sơn Thị N T được ly hôn với ông Trịnh H. Về con chung: Đề nghị giao cho bà Sơn Thị N T được quyền trực tiếp nuôi 04 con chung tên Trịnh Nguyễn M K, sinh ngày 21/7/2019, Trịnh Thị N Y, sinh ngày 25/5/2009, Trịnh Thị N H, sinh ngày 20/10/2007 và Trịnh M H sinh ngày 28/9/2006 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sơn Thị N T không yêu cầu ông Trịnh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh H đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông H đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị N T và ông Trịnh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Xuyên vào ngày 01/8/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị N T và ông Trịnh H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Sơn Thị N T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T và ông H chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2019 đến nay thì bà T và ông H không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay nhưng không giải quyết được, cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông H đã đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Sơn Thị N T.

[4] Về con chung: Bà T và ông H 04 con chung là Trịnh Nguyễn M K, sinh ngày 21/7/2019, Trịnh Thị N Y, sinh ngày 25/5/2009, Trịnh Thị N H, sinh ngày 20/10/2007 và Trịnh M H sinh ngày 28/9/2006, hiện nay 04 con đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay 04 con chung đang sống cùng với bà T. Các cháu Trịnh M H, Trịnh Thị N H và Trịnh Thị N Y đều có nguyện vọng sống với mẹ, bà T cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các con chung thì cần thiết giao 04 con chung cho bà T trực tiếp nuôi đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông H được quyền thăm nom 04 con chung, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sơn Thị N T không yêu cầu ông Trịnh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị N T không yêu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Sơn Thị N T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị N T được ly hôn với ông Trịnh H.
2. Về con chung: Giao cho bà Sơn Thị N T được quyền trực tiếp nuôi 04 con chung là Trịnh Nguyễn M K, sinh ngày 21/7/2019, Trịnh Thị N Y, sinh ngày 25/5/2009, Trịnh Thị N H, sinh ngày 20/10/2007 và Trịnh M H sinh ngày 28/9/2006 cho đến khi 04 con chung đủ 18 tuổi. Ông Trịnh H được quyền thăm nom 04 con chung không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Sơn Thị N T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Sơn Thị N T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009871 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Sơn Thị N T đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến